

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI      CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG  
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ  
BÁCH KHOA**

Hà Nội, ngày 4 tháng 11 năm 2022

Số: 78/QĐ-CĐKTCNBK

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v cấp học bổng Tân sinh viên kỳ tuyển sinh năm học 2022-2023  
và học bổng khuyến học năm học 2022-2023**

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ BÁCH KHOA**

- Căn cứ Quyết định số 6599/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Bách Khoa;
- Căn cứ quyết định số 107/QĐ-CĐKTCNBK ngày 27 tháng 07 năm 2022 về việc phê duyệt quỹ học bổng khuyến khích học tập cho học sinh, sinh viên năm học 2022 – 2023.
- Căn cứ Biên bản họp ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng xét học bổng Tân sinh viên kỳ tuyển sinh năm học 2022-2023 và học bổng khuyến học năm học 2022-2023.
- Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác học sinh sinh viên,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Cấp học bổng Tân sinh viên kỳ tuyển sinh năm học 2022-2023 và học bổng khuyến học năm học 2022-2023 cho sinh viên đã có thành tích tập tốt trong năm học 2021-2022. Chi tiết:

1. Cấp học bổng Tân sinh viên năm học 2022-2023 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật – Công nghệ Bách Khoa cho 15 sinh viên. *(Có danh sách kèm theo)*
2. Cấp học bổng khuyến năm học 2022-2023 cho:
  - 10 sinh viên khoa Công nghệ Ô tô.
  - 04 sinh viên khoa Tiếng Nhật.*(Có danh sách kèm theo)*

**Điều 2:** Các sinh viên có tên trong danh sách được hưởng mức học bổng và tiếp nhận học bổng theo quy định.

**Điều 3:** Các Ông/Bà Trưởng Phòng Công tác HSSV, Đào tạo, Tài chính – Kế toán, Trưởng các Khoa, các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu VT, CTHSSV.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**TS. Lê Kim Dung**

# TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ BÁCH KHOA

Danh sách khen thưởng Học sinh - sinh viên có thành tích xuất sắc

Trong đợt xét tuyển nhập học 2022 – 2023.

(Kèm theo Quyết định số: ~~438~~ 438/2022/QĐ/CĐKTCNBK, ngày 4 tháng 11 năm 2022)

| TT | Họ Và Tên              | Năm sinh   | GT  | Ngành      | Lớp hiện tại | Hệ đào tạo | Điểm xét học bổng | Học bổng         |
|----|------------------------|------------|-----|------------|--------------|------------|-------------------|------------------|
| 1  | Nguyễn Thị Diệp Tuyền  | 12/05/2004 | Nữ  | Tiếng Nhật | TN602-K13    | LK Cần Thơ | 26                | Thủ khoa 3 triệu |
| 2  | Nguyễn Thị Cẩm Đây     | 27/04/2004 | Nữ  | Tiếng Nhật | TN602-K13    | LK Cần Thơ | 25                | Á khoa 2 triệu   |
| 3  | Trần Thu Hằng          | 24/08/2004 | Nữ  | Tiếng Nhật | TN601-K13    | CQ Ctech   | 25                | Á khoa 2 triệu ✓ |
| 4  | Phạm Đăng Khoa         | 14/10/2004 | Nam | Tiếng Nhật | TN602-K13    | LK Cần Thơ | 24                | 1 triệu          |
| 5  | Nguyễn Bá Tiến         | 25/06/2004 | Nam | TKĐH       | TK601-K13    | LK HaCtech | 23,05             | 1 triệu ✓        |
| 6  | Trần Nguyễn Minh Tâm   | 31/03/2004 | Nam | TKĐH       | TK603-K13    | LK Cần Thơ | 22,85             | 1 triệu          |
| 7  | Nguyễn Thị Phương Thoa | 13/05/2004 | Nữ  | TKĐH       | TK601-K13    | LK HaCtech | 22,55             | 1 triệu ✓        |
| 8  | Nguyễn Phúc Trường     | 14/04/2004 | Nam | CNOT       | OT608-K13    | LK Cần Thơ | 22,5              | 1 triệu          |
| 9  | Nguyễn Hồng Ngọc Trâm  | 30/10/2004 | Nữ  | TKĐH       | TK603-K13    | LK Cần Thơ | 22,35             | 1 triệu          |
| 10 | Mai Đỗ Hiếu Trọng      | 30/01/2004 | Nam | Tiếng Nhật | TN602-K13    | LK Cần Thơ | 22,25             | 1 triệu          |
| 11 | Nguyễn Việt Hồng       | 23/02/2004 | Nam | CNOT       | OT606-K13    | CQ Ctech   | 21,7              | 1 triệu ✓        |
| 12 | Đỗ Tuấn Dũng           | 08/01/2004 | Nam | TKĐH       | TK601-K13    | LK HaCtech | 21,5              | 1 triệu ✓        |
| 13 | Phạm Bá Nguyên         | 10/01/2004 | Nam | TKĐH       | TK601-K13    | LK HaCtech | 21,45             | 1 triệu ✓        |
| 14 | Phạm Văn Hào           | 16/12/2004 | Nam | CNOT       | OT604-K13    | LK HaCtech | 21,35             | 1 triệu ✓        |
| 15 | Nguyễn Trung Kiên      | 17/09/2004 | Nam | CNOT       | OT605-K13    | CQ Ctech   | 21,25             | 1 triệu          |

(Ấn định danh sách này gồm 15 sinh viên)

29/11

## TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ BÁCH KHOA

Danh sách sinh viên nhận học bổng Khoa Công nghệ Ô tô  
(Kèm theo Quyết định số: ~~338~~ 338/2022/QĐ/CDKTCNBK, ngày 9 tháng 11 năm 2022)

| STT | HỌ TÊN          |       | NGÀY SINH  | NGÀNH          | CƠ SỞ   | LỚP        | Số tiền   |
|-----|-----------------|-------|------------|----------------|---------|------------|-----------|
| 1   | Phan Thanh      | Bình  | 01/05/2003 | Công nghệ ô tô | Cần Thơ | OT608-K12  | 2,000,000 |
| 2   | Chu Huy         | Hùng  | 02/09/1998 | Công nghệ ô tô | Hà Nội  | OT1501-K11 | 1,000,000 |
| 3   | Lý Trường       | Thành | 02/08/2000 | Công nghệ ô tô | Cần Thơ | OT1503-K11 | 1,000,000 |
| 4   | Lê Nguyễn Thành | Tính  | 27/12/2001 | Công nghệ ô tô | Cần Thơ | OT1503-K11 | 1,000,000 |
| 5   | Nguyễn Nhật     | Minh  | 21/10/2003 | Công nghệ ô tô | Cần Thơ | OT609-K12  | 1,000,000 |
| 6   | Lâm Hoàng       | Nhân  | 04/02/2003 | Công nghệ ô tô | Cần Thơ | OT609-K12  | 1,000,000 |
| 7   | Bùi Minh        | Quân  | 05/12/2003 | Công nghệ ô tô | Cần Thơ | OT606-K12  | 1,000,000 |
| 8   | Lê Nhật         | Tân   | 25/07/2003 | Công nghệ ô tô | Cần Thơ | OT609-K12  | 500,000   |
| 9   | Lê Nguyễn       | Trí   | 10/10/2003 | Công nghệ ô tô | Cần Thơ | OT608-K12  | 500,000   |
| 10  | Thái Văn        | Duy   | 02/10/2002 | Công nghệ ô tô | Cần Thơ | OT606-K12  | 500,000   |

(Ấn định danh sách này gồm 10 sinh viên)

## TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ BÁCH KHOA

Danh sách sinh viên nhận học bổng Khoa Tiếng Nhật

(Kèm theo Quyết định số: 338/2022/QĐ/CĐKTCNBK, ngày 4 tháng 11 năm 2022)

| STT | HỌ TÊN      |       | NGÀY SINH  | NGÀNH      | CƠ SỞ   | LỚP        | Số tiền     |
|-----|-------------|-------|------------|------------|---------|------------|-------------|
| ✓ 1 | Trương Thị  | Hiền  | 13/11/2003 | Tiếng Nhật | Hà Nội  | TN601-K12  | 2,000,000 ✓ |
| 2   | Trần Thị Mỹ | Tiên  | 16/03/2002 | Tiếng Nhật | Cần Thơ | TN602-K12  | 1,000,000   |
| 3   | Đặng Thị    | Nga   | 17/11/2022 | Tiếng Nhật | Hà Nội  | TN1502-K11 | 1,000,000 ✓ |
| 4   | Nguyễn Hồng | Nhung | 6/3/2022   | Tiếng Nhật | Hà Nội  | TN1501-K11 | 1,000,000 ✓ |

(Ấn định danh sách này gồm 4 sinh viên)

Máy - 11  
Chín - 3  
14